

Bản án số: 03/2023/DS-ST

Ngày 13 tháng 01 năm 2023

V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông: Nguyễn Ánh Dương

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trần Anh Dũng.

2. Ông Nguyễn Lâm Giang.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nam – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên.

- **Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 163/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2022 (Án định thời gian mở lại phiên tòa) giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Vũ Đắc K, sinh năm 1939 (Có mặt)

Cư trú: T, xã H, huyện T, tỉnh B.

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Nơi ĐKKHTT: T, xã H, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 17/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Vũ Đắc K trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T kết hôn ngày 13/7/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng ông về chung sống với nhau đến ngày 08/3/2012 thì bà T tự ý bỏ nhà đi, gia đình hai bên đã tìm kiếm nhiều lần nhưng không có tin tức gì, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nơi cư trú cuối cùng của bà T: T, xã H, huyện T, tỉnh B. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 15/2022/QĐDS- ST ngày 30/9/2022 của TAND huyện T đã tuyên bố bà Nguyễn Thị T mất tích kể từ ngày 30/9/2022. Nay ông K thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông K được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Ông K xác định vợ chồng ông chưa có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng công tác: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh ngày 11/5/2022 Trưởng thôn T, xã H, huyện T cho biết: Bà Nguyễn Thị T trước đây có kết hôn và chung sống với ông Vũ Đắc K tại thôn T, xã H. Bà T đã đi khỏi địa phương từ năm 2012 đến nay không trở về địa phương. Bà T không có tin tức gì và cũng không liên lạc với gia đình. Hiện nay bà T ở đâu thì không nắm được.

* Tòa án nhân dân huyện T đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bà Nguyễn Thị T gồm:

Ngày 20/10/2022 niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 274/TB-TLVA ngày 20/10/2022 đối với bà T.

Ngày 20/10/2022 niêm yết hợp lệ giấy triệu tập và quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 72/QĐ-CCTLCC ngày 02/11/2022 đối với bà T.

Ngày 18/11/2022 niêm yết hợp lệ giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 274/TB-TA ngày 18/11/2022 đối với bà T.

Ngày 02/12/2022 niêm yết hợp lệ Thông báo về phiên họp hòa giải số 274/TB-TA ngày 02/12/2022 và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ số 274/TB-TA ngày 02/12/2022 đối với bà T.

Ngày 14/12/2022 niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/12/2022 và giấy triệu tập phiên tòa đối với bà T.

Ngày 29/12/2022 niêm yết hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa số: 163/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2022 đối với bà T.

Bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T không có mặt để làm việc với Tòa án về những vấn đề liên quan vụ án mà bà T là bị đơn.

Toà án đã mở phiên hoà giải nhiều lần để hoà giải về quan hệ vợ chồng, tài sản, công nợ, án phí nhưng bà Nguyễn Thị T không có mặt để tham gia hòa giải.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến về việc giải quyết vụ án, không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Toà án và cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật, bà T không có mặt và chấp hành chưa nghiêm túc pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 144; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 01 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Đắc K được ly hôn bà Nguyễn Thị T.
2. Về con chung: Ông Vũ Đắc K và bà Nguyễn Thị T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về án phí: Ông Vũ Đắc K là người cao tuổi nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 15/2022/QĐDS- ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T (đang có hiệu lực pháp luật) đã xác định nơi cư trú cuối cùng của bà Nguyễn Thị T được xác định là: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh B. Quá trình giải quyết về yêu cầu tuyên bố bà Nguyễn Thị T mất tích thì Tòa án đã thông báo tìm kiếm bà T trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng vẫn không có tin tức về bà T. Do vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi cư trú cuối cùng của bà Nguyễn Thị T, niêm yết tại UBND xã H, Nhà văn hóa thôn T, xã H và trụ sở Tòa án nhân dân huyện T là đúng quy định của pháp luật.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với bà Nguyễn Thị T nhưng bà T vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Về quan hệ vợ chồng của ông Vũ Đắc K và bà Nguyễn Thị T thấy: Ông K, bà T có tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Ngày 13/7/2008, ông K, bà T đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T và tổ chức cưới

hỏi theo phong tục, tập quán địa phương. Ông Vũ Đắc K và bà Nguyễn Thị T không vi phạm về điều kiện kết hôn, không vi phạm những quy định về trường hợp cấm kết hôn nên quan hệ hôn nhân của ông Vũ Đắc K và bà Nguyễn Thị T được pháp luật công nhận là hợp pháp.

Xét về yêu cầu xin ly hôn của ông Vũ Đắc K thấy: Thời gian đầu quan hệ vợ chồng giữa ông K, bà T chung sống hạnh phúc. Sau đó đến đầu năm 2012 dương lịch thì bà T bỏ nhà đi, nay vẫn không có tin tức gì. Đến nay vợ chồng ông K, bà T đã không cùng nhau chung sống được hơn 10 năm. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 15/2022/QĐDS- ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên bố bà T mất tích.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng giữa ông Vũ Đắc K và bà Nguyễn Thị T không đảm bảo hạnh phúc gia đình. Giữa vợ chồng ông K, bà T không có sự gần gũi, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình no ấm. Ông K, bà T có thời gian dài không cùng nhau chung sống, không quan tâm đến nhau và không có tin tức về nhau mặc dù bà T đã được thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không thấy về đoàn tụ vợ chồng. Nay bà T bị tuyên bố mất tích. Xét thấy tình trạng tình cảm vợ chồng của ông K, bà T ngày càng xa cách, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xác định tình cảm vợ chồng giữa ông K và bà T không còn chung sống, đoàn tụ được nên chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Vũ Đắc K là phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 2, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về con chung: Ông Vũ Đắc K và bà Nguyễn Thị T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng công tác: Ông Vũ Đắc K và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Vũ Đắc K là người cao tuổi nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 01 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2, Điều 68 của Bộ luật Dân sự; khoản 01 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 01 điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Đắc K được ly hôn bà Nguyễn Thị T.
2. Về con chung: Ông Vũ Đắc K và bà Nguyễn Thị T không có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng công tác: Ông Vũ Đắc K và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Ông Vũ Đắc K là người cao tuổi nên được miễn án phí.
Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh Dương